

Bản án số: 42/2017/HS-ST

Ngày: 14-11-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Ánh – Phó chủ tịch Hội nông dân tỉnh Kon Tum.

2/ Bà Bùi Thị Vui – Chánh văn phòng Ban tuyên giáo tỉnh ủy, tỉnh Kon Tum

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đồng Thị Hường - Cán bộ TAND tỉnh Kon Tum.

- Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HS-ST ngày 05/10/2017 đối với bị cáo:

Đ ; Sinh ngày 20/11/1996, tại: Bình Định.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Q, thành phố T, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở: Số 191, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Kon Tum. Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông H và bà B; Gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Tiền sự: không.

Tiền án: 01 tiền án

Ngày 22/2/2013, Đ phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 (Ba mươi) tháng tù tại Bản án số: 38/2013/HS-ST ngày 10/9/2013. Ngày 13/5/2015, Đ chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống (Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo dương nhiên được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2017 cho tới nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của VKSND tỉnh Kon Tum thì bị cáo Đ bị truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 15 giờ 45 phút, ngày 27/6/2017, tại khu vực trước nhà xe Long Vân, số 21, Phạm Văn Đồng, tổ 1, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Kon Tum tiến hành kiểm tra hành chính đối với Đ, tạm trú tại 191, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Kon Tum. Khi kiểm tra phát hiện, thu giữ trên tay phải của Đ cầm 01 hộp giấy màu trắng bên trong chứa 02 gói tinh thể màu trắng, tang vật được niêm phong trong phong bì ký hiệu “01”.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ 01 hộp nhựa bên trong chứa 01 gói chất bột màu trắng, 03 viên nén và 01 nửa viên nén màu xanh lá mạ, 04 viên nén và 01 nửa viên nén màu xanh nước biển, 01 viên nén màu xanh đậm, toàn bộ tang vật được niêm phong trong phong bì ký hiệu “02”.

Quá trình điều tra Đ khai nhận: Ngày 24/6/2017, Đ gọi điện cho đối tượng tên Hiếu (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh hỏi mua ma túy với số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng và được Hiếu đồng ý. Theo yêu cầu của Hiếu, ngày 26/6/2017, Đ đến ngân hàng Sacombank chi nhánh Kon Tum chuyển số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng vào tài khoản của Hiếu. Khoảng 15 giờ ngày 27/6/2017, Đ nhận được điện thoại của nhà xe Long Vân báo đến nhận hàng. Đ nhờ Lê Hữu Hà, trú tại 191, đường L, phường T, thành phố T dùng xe ô tô biển kiểm soát 82C-03889 chở Đ đến nhà xe để nhận hàng. Khi Đ vừa nhận gói hàng đang cầm trên tay phải thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Kon Tum kiểm tra, phát hiện bên trong chứa 02 gói ma túy. Đối với số ma túy thu giữ được tại nơi ở, Đ khai nhận là của một người chưa rõ nhân thân, lai lịch cho Đ sử dụng vào tối ngày 26/6/2017.

Tại kết luận giám định số 39/KLGD ngày 01/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- *Mẫu tinh thể (mẫu M1.1; M1.2) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “01” gửi giám định có trọng lượng là: 10,0241 gam, có Ketamin. Ketamin là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 35, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.*

- *Mẫu chất bột (M2.1) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định có trọng lượng là: 0,2219 gam, có Ketamin. Ketamin là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 35, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.*

- Mẫu viên nén (M2.2; M2.3; M2.4) được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “02” gửi giám định có trọng lượng là: **3,0721 gam**, có **MDMA**. MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 22, Nghị định số 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 03/10/2017 của VKSND tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 và áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù giam.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người làm chứng.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định: Mặc dù, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của bản thân bị cáo đã ngang nhiên mua ma túy về tàng trữ để sử dụng. Khi đi lấy ma túy bị cáo mua được gửi từ Thành phố Hồ Chí Minh về thì bị bắt quả tang 02 gói ma túy, loại Ketamin trọng lượng 10,0241 gam. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ 01 hộp nhựa bên trong chứa 0,2219 gam ma túy loại Ketamin và 3,0721 gam ma túy loại MDMA. Tổng trọng lượng ma túy Đ tàng trữ để sử dụng là 13,3181 gam (gồm 10,246 gam Ketamin và 3,0721 gam MDMA).

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương và làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, có như vậy mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và cũng nhằm góp

phần đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy nói riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng một phần sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo, sửa chữa lỗi lầm để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng: Ngày 22/2/2013, Đức phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 (Ba mươi) tháng tù tại Bản án số: 38/2013/HS-ST ngày 10/9/2013. Ngày 13/5/2015, Đ chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới. Như vậy, Đức phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Tuy nhiên, Bộ luật hình sự 2015 hiện nay chưa có hiệu lực thi hành nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội nên đối chiếu tại điểm b khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*) quy định thời hạn đương nhiên được xóa án tích là 03 năm trong trường hợp hình phạt là phạt tù đến 03 năm, tương ứng với thời hạn đương nhiên xóa án tích quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 là 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm. Như vậy, bị cáo Đ chấp hành xong hình phạt ngày 13/5/2015 đến ngày thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/6/2017 đã quá hai năm, theo quy định của BLHS năm 2015 thì đã được xóa án tích không thuộc trường hợp “*Tái phạm*”. Về khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*) có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù giam, tương ứng với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù giam. Do đó, HĐXX khi lượng hình áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo để quyết định một hình phạt phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có đối tượng tên Hiếu là người bán ma túy cho Đ, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau. Còn đối tượng Lê hữu Hà là người chở Đ đến nhà xe để nhận hàng, tuy nhiên trong quá trình điều tra Hà không thừa nhận nên chưa có đủ căn cứ để xử lý.

Về vật chứng vụ án: Qua biên bản phạm tội quả tang và biên bản khám xét Cơ quan điều tra thu giữ một số vật chứng, xét thấy:

- Đối với 01 điện thoại di động màu vàng gold, dạng cảm ứng, nhãn hiệu OPPO và số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng là những tang vật không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, bàn phím bấm, nhãn hiệu NOKIA là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 13,3181 gam ma túy được niêm phong trong bì thư số: 39/KLGD của phòng kỹ thuật, Công an tỉnh Kon Tum là vật cấm sử dụng nên tịch thu tiêu hủy và 01 hộp giấy màu trắng bên ngoài có chữ E.Hăng (Áo) 01638330078 Kon Tum là hộp dùng để đựng ma túy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội.

Xử phạt: Bị cáo Đ 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (27/6/2017).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong số: 39/KLGD của phòng kỹ thuật, Công an tỉnh Kon Tum và 01 hộp giấy màu trắng bên ngoài có chữ E.Hăng (Áo) 01638330078 Kon Tum.

- Trả lại cho Đ 01 điện thoại di động màu vàng gold, dạng cảm ứng, nhãn hiệu OPPO và số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động màu đen, bàn phím bấm, nhãn hiệu NOKIA

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum với Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 11/7/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum nộp vào kho bạc Nhà nước tại tài khoản số 39490105419300000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/11/2017) bị cáo có quyền kháng cáo bản án để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Cục thi hành án tỉnh Kon Tum
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lang

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;

PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Kon Tum;

- CA tỉnh Kon Tum;

- Những người tham gia tố tụng;

- Lưu HS.

**T/M . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**